

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 09-10-2019
V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hà

Ông Đỗ Đức Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ka Hít - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2019 về tranh chấp “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 9, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh Lại Văn P, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn 9, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2019 của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc T và anh Lại Văn P tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian 08 tháng, được hai bên gia đình đồng ý thì có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 06/01/1996. Quá trình sống chung không hạnh phúc, anh P thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ

con, chửi bới, đe dọa chém chị và các con, ghen tuông vô cớ. Hiện nay chị và anh P đã không còn sống chung từ đầu tháng 8/2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 04 người con chung tên là Lại Thị Ngọc A, sinh ngày 08/12/1996; Lại Thị Tuyết T, sinh ngày 14/01/1999; Lại Văn T, sinh ngày 07/11/2003 và Lại Tuấn V, sinh ngày 15/10/2011. Nay ly hôn có nguyện vọng yêu cầu được nuôi 02 con là con chung là Lại Văn T và Lại Tuấn V, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Lại Thị Ngọc A và Lại Thị Tuyết T đã trưởng thành, có gia đình riêng, có công việc ổn định, không mất năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình sống chung vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Quá trình sống chung vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn anh Lại Văn P trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung cơ bản thống nhất như chị T trình bày nhưng không đồng ý ly hôn vì lý do anh còn thương vợ con; Nếu ly hôn anh cũng có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung là Lại Văn T và Lại Tuấn V, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do anh P vắng mặt.

Sau đó chị T có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nữa.

Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc T, xử cho chị Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với anh Lại Văn P; Về con chung đề nghị giao con chung là Lại Văn T, sinh ngày 07/11/2003 và Lại Tuấn V, sinh ngày 15/10/2011 cho chị Phạm Thị Ngọc T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh Lại Văn P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, đối với con chung là Lại Thị Ngọc A và Lại Thị Tuyết T đã trưởng thành không xem xét; Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lại Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lại Văn P nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc T và anh Lại Văn P quen biết và tìm hiểu nhau trong khoảng 01 năm thì được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục, vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 06/01/1996 là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian sống chung, chị T và anh P đều thừa nhận giữa vợ chồng phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P rượu chè, đánh đập vợ con, từ đó tình cảm vợ chồng không hòa hợp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không quan tâm chăm sóc cho nhau, phần ai người đó sống và thực tế vợ chồng không còn sống chung từ tháng 5/2018 đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2019, chính quyền địa phương nơi chị T và anh P sinh sống cho biết anh P thường xuyên uống rượu nên giữa chị T và anh P thường xảy ra cãi vã, xô xát nhau. Từ tháng 05/2018 đến nay chị T đưa con chung về nhà bố mẹ để để sinh sống, giữa chị T và anh P không còn sống chung với nhau nữa.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định giữa chị T và anh P trong cuộc sống chung không hạnh phúc nên từ tháng 5/2018 đến nay giữa chị T và anh P không còn sống chung với nhau nữa, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, phần ai người ấy sống, không xây dựng kinh tế chung.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ để Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Chứng tỏ anh P có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, muốn dây dưa kéo dài gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được xin ly hôn với anh P. Điều đó càng chứng tỏ trong thời gian qua, chị T và anh P sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, áp dụng Điều 51, Điều

56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T và anh P được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị Phạm Thị Ngọc T và anh Lại Văn P có với nhau 04 người con chung là Lại Thị Ngọc A, sinh ngày 08/12/1996; Lại Thị Tuyết T, sinh ngày 14/01/1999; Lại Văn T, sinh ngày 07/11/2003 và Lại Tuấn V, sinh ngày 15/10/2011. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng nhận nuôi 02 con là cháu Thanh và cháu Vũ, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, còn đối với con chung là Lại Thị Ngọc A và Lại Thị Tuyết T đã trưởng thành, có gia đình riêng, có công việc ổn định, không mất năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu giải quyết. Xét thấy chị T và anh P đều có nguyện vọng nuôi 02 con chung là Lại Văn T và Lại Tuấn V, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, 02 con chung là Lại Văn T và Lại Tuấn V đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh, chị sinh sống đều khẳng định anh P thường xuyên rượu chè say xỉn, ít quan tâm chăm sóc gia đình. Do vậy, nếu giao con chung chưa thành niên cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến việc sinh sống, học tập và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung là Lại Văn T, sinh ngày 07/11/2003 và Lại Tuấn V, sinh ngày 15/10/2011 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh P đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc T xin ly hôn nên buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Phạm Thị Ngọc T với anh Lại Văn P.

Xử cho chị Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với anh Lại Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là Lại Văn T, sinh ngày 07/11/2003 và Lại Tuấn V, sinh ngày 15/10/2011 cho chị Phạm Thị Ngọc T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh Lại Văn P cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0013013 ngày 04/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND phường L, Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Biên